

国会

编号：43/2022/QH15

越南社会主义共和国

独立-自由-幸福

河内市，2022年01月11日

决议

有关经济-社会复苏及发展计划之年度财务、货币辅助政策

国会

根据越南社会主义共和国宪法；

根据第57/2014/QH13号国会组织法已获第65/2020/QH14号法修改、补充若干条；

基于审查政府2022年01月02日第02/TTr-CP号呈文，经济委员会之2022年01月03日第604/BC-UBKT15号审查报告、国会常务委员会2022年01月11日第106/BC-UBTVQH15号报告有关接收、整理、阐述有关经济-社会复苏及发展计划之年度财务、货币辅助政策草案、各相关资料及各位国会代表之意见；

决议：

第1条、观点

1. 密切跟随党之方向、主张，国会之决议，坚持保持宏观经济之稳定，提高经济之效率、质量、竞争力、自主性、承受、适应能力，及时因应眼前和长远之需求，与2021-2025经济-社会五年发展计划、每年经济-社会发展计划、2021-2025年阶段经济结构重整计划、2021-2025年5年阶段国家财政及国家债务及还债计划、2021-2025年阶段国家中期投资计划及COVID-19疫情防控计划。
2. 灵活运行、紧密、协调、有效地配合年度财政、货币及其他宏观政策；严谨控制通货膨胀，确保经济大平衡；仅增加国家经费预算赤字以增加发展投资之开支，并在实施免、减税方案之前确保国家经费预算之平衡以扶持社会-经济复苏及发展计划（以下称为计划）。
3. 扶持计划之政策规模、资源够大，影响到供方与需方；有中心、重点目标，确定实在需要支持对象以解决各紧迫问题，避免分散、浪费资源，与各级组织、个人、负责人及党委、当局之职责连结。
4. 扶持政策、措施必须可行、及时、有效，主要在2022年及2023年实施，有适当路线以提高COVID-19疫情防控、经济-社会复苏及发展之能力；推出资源有快速拨款、吸收能力。
5. 有效调动、分配及管理资源；保持各地区、区域、地方、领域、优先对象之合理平衡；易于实施，易于检查、监督及评估；反消极、贪污、群组利益、逐利政策；确保效率、公平、公开、透明。



23 Ni Sur Huỳnh Liên, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
G3.21.06 Greenbay, Số 7 ĐL Thăng Long, P.Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
热线: +84 933 341 688 微信: everwinservice LINE: everwin888

第 2 条、目标、指标

1. 快速恢复、发展生产、经营活动，激发增长动力，优先发展一些重要产业、领域，努力达到 2021-2025 年阶段之目标：GDP 平均每年增长 6.5-7%，国家债务低于国会第 23/2021/QH15 号决议允许之警戒线，城市区域之失业率低于 4%；保持宏观经济之稳定，确保中期及长期之主要平衡。
2. 降低成本，支持现金流，确保主动性，为企业、各经济组织及人民造就顺利条件。
3. 有效防控 COVID-19 疫情；保障社会安生及人民生活，尤其是劳动者、穷人、弱势群体、受疫情严重影响之对象；确保国防、安宁、社会秩序、安全。

第 3 条、经济-社会复苏及发展计划之辅助政策

1. 年度财务政策：

1.1 免、减税政策：

- a) 在 2022 年减 2% 增值税税率，适用对于目前正适用 10% 增值税税率之商品及服务（降至 8%），但以下一些商品及服务除外：电信、信息技术、金融活动、银行、证券、保险、经营不动产、金属、金属预制产品、采矿产品（不含开采煤炭）、焦炭、精炼石油、化工产品、征特别消费税之商品及服务；
- b) 在 2022 年计税期，当企业、组织在越南支付于 COVID-19 预疫情防控活动之支持、赞助费用，确定企业课税所得时可抵扣费用。

1.2 投资发展政策：

增加国家经费支出之发展投资最高为 176 万亿越盾，集中在 2022 及 2023 两年，包括：

a) 有关医疗：

最多拨款 14 万亿越盾以投资新建、改造、升级、现代化基层医疗、预防医学、区域疾病控制中心之系统，通过培训提高中央级各院及医院之疾病防控能力，提高医疗人力资源、国内生产 COVID-19 疫苗及治疗药物之质量；

b) 关于社会安生、劳动、就业：

- 拨予社会政策银行最多 5 万亿越盾，包括利息补助及管理费 2 万亿越盾以实施该计划之优惠贷款政策；对目前依信贷政策现行贷款年息高于 6% 之对象补助利率最多 3 万亿越盾；

- 投资新建、改造、升级、扩大及现代化各社会救助、培训、职业培训、解决就业之单位最多 3 万 1 千 5 百亿越盾；

c) 关于企业、合作社、经营户之支持：



- 通过商业银行系统，为能够偿债、有恢复能力之一些重要行业、领域、企业、合作社、经营户提供高达 40 万亿越盾之贷款利息补助（2%/年）；改造旧公寓、兴建社会住房、给职工购置、租用及租购房屋之贷款；

- 提供章程资金给旅游发展基金最多 3000 亿越盾；

d) 关于投资发展基础设施：

从国家经费预算补充投资最多 113 万 5 仟 5 百亿越盾以发展基础设施：交通、信息技术、数字化转型、河岸、海岸侵蚀防治、确保储水湖之安全、适应气候变化、克服天灾后果；

d) 本计划各预案之资金选择及分配必须确保在 2022 年及 2023 年拨款，并遵守以下各原则、标准：

- 优先为国家各重要预案、2021-2025 年阶段正在落实国家中期投资计划清单、有可能早完成但尚未安排资金或安排足够资金之各预案分配资金；

- 若为 2021-2025 年阶段国家中期投资计划清单以外之各预案分配资金：仅为各重要、紧急、有溢出效应、有快速拨款能力及立即吸收到经济、符合规划、有效使用资金、确保资金平衡能力以在 2022-2025 年阶段完成之各预案安排；对于一些对经济-社会发展具有重要意义之新预案，则优先协助场地清理工作；

- 各预案必须充分确保规定之投资手续；

- 确保各地区、区域、地方、领域之间的公开、透明、公平、和谐。

1.3 其他年度财务政策：

a) 对有劳动关系、在工业区、出口加工区、重点经济区域有租房、住宿、工作之劳动者协助住房租金（使用从 2021 年中央增收经费、节省经费开支约 6 万 6 仟亿越盾）；

b) 增加社会政策银行对国内发行债券之政府担保额度至最多 38 万 4 仟亿越盾，用于协助就业之贷款；学生、大学生；非公立幼儿、小学教育单位；个人按照社会住房政策贷款购买、租房、租购社会住房；新建或改建、修复房屋；落实 2021-2030 年阶段有关发展少数民族地区及山区经济-社会之国家目标规划。

2. 货币政策：

a) 同步、灵活运用货币政策工具，为维持宏观经济之稳定、控制通货膨胀、保障各信贷组织系统之安全、积极为支持经济-社会之复苏及发展作出贡献；研究稳定以短期资金放贷予中期及长期贷款之最高比例，合理计算强制性存款准备金比例，开展开放市场业务、再融资，指导各信贷组织继续降低营业成本，以于 2022 及 2023 两年力争下调贷款利率约 0.5% 至 1%，尤其是对于优先领域；



- b) 继续重组还款期限并保持原有债务组，为受 COVID-19 疫情影响之客户免、减贷款利息，密切跟进经济进展及货币市场以采取适当措施协助企业、人民，同时保证各信贷系统之安全运行；
- c) 适当调节协助包之流动性，为受益对象加快拨款速度造就条件；
- d) 合理调节货币，密切配合年度财务政策，为政府债券之发行及让信贷组织继续投资政府债券创造顺利条件；
- d) 必要时从其他合法资金来源使用最多 46 万亿越盾进口疫苗、治疗药物及医疗设备、物资服务 COVID-19 疫情之防控；
- e) 继续再融资予社会政策银行以供雇主贷款支付职工之停工工资、恢复生产工资，保证可行性并实际快速组织展开。平衡各获特别管控银行重组总体方案有关协助计划之货币措施。

3. 其他政策：

适用其他政策以集中落实 2022 及 2023 两年之计划，包括：

- a) 使用越南电信公益服务基金约 5 万亿越盾以发展电信、国际联网之基础设施，其中使用 1 万亿越盾以配备平板电脑，落实“为你服务之频率及计算机”计划；
- b) 解决企业对科技发展基金规定有关支出及管理内容之羁绊；使用约 5 万亿越盾于工艺创新、工艺孵化、科技企业孵化、科研成果及技术开发之商业化；解码技术；购买设备、机械、原材料以创新工艺，直接服务企业之生产、经营活动。

第 4 条、资源调动方案

1. 为具备落实各年度财务政策扶持计划之资源，允许在 2022 及 2023 两年之国家经费预算赤字每年平均增加 GDP 之 1% 至 1.2%（最多 240 万亿越盾），其中：2022 年，与已获国会决定之 GDP 预估相比，增加约 1.1%（最多 102 万 8 仟亿越盾）；2023 年，政府汇总计划并预估 2023 年包括增加部份之国家经费总预算，按规定提交国会审查、决定。

资源之需求需要在充分利用可用资源、中央经费预算增加收入、节省开支之来源及拨款能力之基础上具体计算，通过以下各工具以拟定适合每时间点之调动方案：

- a) 发行政府债券，保证密切配合调控货币政策、年度财务政策及其他宏观政策之原则，维护宏观经济、金融市场、货币之稳定并确保各主要平衡；符合经济之还债、拨款能力、吸收能力、保证效率、避免浪费。在 2022 年及 2023 年优先发行本币境内政府债券，平均发行年限 9 年以下。若需要以外币发行，在展开之前政府报告权责级审查、决定；
- b) 官方发展援助（ODA）贷款、以协助形式之外国优惠贷款平衡经费预算；



c) 必要时，政府报告权责级批准从其他合法资金来源贷款，并在每年度财务计划-国家经费预算或依规定之其他来源偿还；允许直接向越南国家银行发行政府债券。

2. 大力推动其他各措施以开发资源，包括：

a) 尽量、有效使用 2021-2025 年阶段中期计划之资源；尽量节约、减少各项开支，在权责范围灵活调整各项任务、开支项目。严格管理各项收入来源，力争增加收入、彻底节约国家经费预算之开支；加快税务改革路线图，反税收流失、移转定价、逃税、减少拖欠税款比例；现代化税收、海关、国库系统，展开电子发票，利用增加国家经费预算收入之余地，尤其是跨境数字交易收入及提供予在越南消费者数字服务之增加收入余地；彻底收回延迟分配或延迟展开之经常性经费；

b) 灵活使用适当之各机制、政策、工具以调动更多资源实施计划；制定对于一些需要限制消费货品之增加特别消费税方案，以便在计划实施期间及时适用；加快各国有企业资金、工会组织资金及各政治-社会组织资金之股权化和撤资；重新审查国家经费预算以外之财政资金、国家资金投资总公司之投资能力，以便制定适当之融资、使用计划；研究从地方经费预算委托予社会政策银行之资金调动方案；关心有效整合及加快国家目标计划、支持投资地方基层医疗单位目标计划之拨款。023 年包括增加部份之國家經費總預算，按規定提交國會審查、決定。

第 5 条、适用特别机制

1. 允许政府总理、权责机关负责人审查、决定 2022 年及 2023 年对于咨询招标包、服务迁移技术基础设施之招标包、补偿、拆迁场地及重新安置定居之招标包，国家各重要项目、属计划内之大规模、紧急之重要基础设施项目、有关交通及医疗基础设施之营建招标包；实施本条款规定招标包之承包商，直至完成项目。按照招标法规定之程序、手续执行指定承包商。

2. 在 2022 及 2023 两年，施工承包商在开采矿产做普通建材以落实属于国家重要计划服务交通基础设施项目之建材考察档案中，不需申办许可证手续；本条规定之开采矿产事宜获实施到项目完成为止。施工承包商有责任进行环境影响评估；受管理、监督对于开采、使用矿产事宜；依法律规定纳税、费及履行保护、改造、恢复环境之各义务。

3. 在 2022 及 2023 两年，允许政府总理审查、决定分级给有足够管理能力、经验地方之省级人委会并有书面建议作为经过本地区高速公路路段之主管机构，以国家投资形式实施基于已尽量使用交通运输部能力之基础上（由交通运输部为统一管理 2021-2025 年阶段南-北高速公路东部交通工程项目之管理机构除外）。本条规定之管理机构可以实施高速公路路段直到项目完成。



第 6 条、交予政府

1. 尽速颁行各措施以依法律规定落实权责内之年度财务、货币及其他各政策以落实计划；引导组织实施本决议第 5 条规定之各机制，与具体责任连结，保证不让发生逐利政策、群组利益、损失、浪费事宜。

2. 在运营、指导调动、分配、管理及使用资源必须节省、有效、符合本计划各预案、任务之实施、拨款进度；密切跟进各宏观指标以及时采取措施确保宏观经济之稳定、各主要平衡，其中特别关注通货膨胀、烂账之指标；力争增收、节省开支；减少赤字以落实 2021-2025 年阶段 5 年国家财政计划及国家债务、还债之各目标；如有重大变化或风险，政府应及时报告国会审查、决定。

3. 指导拟定国家经费预算分配方案及补充 2021-2025 年阶段中期国家投资计划之 2022 年各计划、项目及本计划之各项目（包括社会政策银行及旅游发展辅助基金等之内容）；依规定在政府分配、补充分配 2022 年经费预算及补充国家投资计划之前，报告国会常务委员会审查、决定分配、补充分配经费预算。

在国家持有 50% 以上章程资金之商业股份银行，提拨 2021-2023 年阶段各基金之后，指导制定从税后利润增加章程资金之计划，并从国家经费对于农业暨农村发展银行。

4. 根据本决议第 3 条 1 款规定之原则、标准，在分配资金之前，紧急审查、完善使用本计划资金之各项目清单，报告国会常务委员会征求意见。确保 2021-2025 年阶段中期国家投资计划之资本与支持本计划年度财务、货币政策资金之协调以优先为各重点项目提资金，具有传播、连接区域、促进增长、能够吸收资金之作用。依规定呈送国会常务委员会审查、决定补充 2022 年国家经费预算及国家投资计划以加快进度、完成 2022 及 2023 年计划之资金拨款；确保资金来源以展开、完成 2021-2025 年阶段南-北高速公路东部建设工程之各组成部分项目。

5. 同步、及时、有效地实施本计划之主要任务、解决方案。在营运过程中，根据实际情况，继续平衡中央经费预算以补充资源实施本计划；及时为本计划展开各解决方案以尽量调动各合理资源。

6. 对于本计划之各支出任务在权责范围之各内容，根据现行法律规定灵活调整。对于属于国会职权范围之各问题必须报告国会审查、决定；紧急情况下，在国会两次会议之间则报告国会常务委员会审查、决定，并在最近会议上报告国会。

7. 主动、迅速颁布并有效、同步组织实施 COVID-19 疫情防控计划及各相关规定；削减、减少、简化行政手续，改善投资、经营环境；集中拆除有关社会住房、职工住房之机制、



政策、法规之羁绊；采取突破性政策，优先鼓励与持续发展相关之创新、数字化转型、数字经济、绿色经济、循环经济。

8. 研究允许企业在计算企业所得税时，按照实际费用之一定比例补充扣除之方案，适用于营造固定资产成本及人工成本；拟定对于证券、房地产交易之增税方案，报告国会常务委员会审查、决定。

9. 从开始就加强内部清查、检查、引导以防止发生错误、贪污、浪费、消极，并从严处理各违规行为，尤其是在短时间内配置大量资源。

10. 注重信息、通讯工作，为营造社会共识、激发、发挥民族大团结及政治系统之力量作出贡献。

第7条、组织实施

1. 政府、各部、中央及地方机关提高责任，尤其是首长对领导、指导组织、展开执行本决议所规定各内容、政策之责任，确保观点、目标正确、公开、透明、有效、可行及进度；不让逐利政策、损失、浪费。

2. 国会常务委员会、民族委员会及国会各委员会，各国会代表团、国会代表、直辖中央各省、市人民议会、越南祖国阵线及各成员组织，在自己之任务、权限范围，监督本决议之执行事宜。

3. 国家审计针对执行计划事宜进行每年之审计，确保快速、有效、公开、透明、反消极、贪污、群组利益，在2022、2023年末及2024年中会议向国会报告。

第8条、施行条款

1. 本决议从2022年01月11日起生效至2023年12月31日；对于本决议第3条1款1.2及1.3点规定之年度财务政策获适用于2022年及2023年经费。

2. 政府引导、组织执行本决议；在2022及2023年末会议报告国会，在2024年中会议向国会总结报告。

本决议已获越南社会主义共和国国会于2022年01月11日第十五届第一次非常会议通过。

國會主席
(已簽名蓋章)

王廷惠

~ 恒利翻譯，謹供參考 ~



23 Ni Sur Huỳnh Liên, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
G3.21.06 Greenbay, Số 7 ĐL Thăng Long, P.Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
热 线: +84 933 341 688 微 信: everwinservice LINE: everwin888

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghị quyết số: 43/2022/QH15

Hà Nội, ngày 11 tháng 01 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**VỀ CHÍNH SÁCH TÀI KHÓA, TIỀN TỆ HỖ TRỢ CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14;

Trên cơ sở xem xét Tờ trình số 02/TTr-CP ngày 02 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Báo cáo thẩm tra số 604/BC-UBKT15 ngày 03 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban Kinh tế, Báo cáo số 106/BC-UBTVQH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiếp thu, chỉnh lý, giải trình về dự thảo Nghị quyết về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, các tài liệu liên quan và ý kiến của các vị đại biểu Quốc hội;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quan điểm

1. Bám sát chủ trương, định hướng của Đảng, các nghị quyết của Quốc hội, kiên trì giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, nâng cao năng suất, chất lượng, năng lực cạnh tranh, tính tự chủ, khả năng chống chịu, thích ứng của nền kinh tế, đáp ứng kịp thời nhu cầu trước mắt và lâu dài, gắn kết chặt chẽ với Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm, Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021 - 2025, Kế hoạch tài chính quốc gia và vay, trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021 - 2025, Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và Chương trình phòng, chống dịch COVID-19.

2. Điều hành linh hoạt, phối hợp chặt chẽ, hài hòa, hiệu quả chính sách tài khóa, tiền tệ và các chính sách vĩ mô khác; kiểm soát chặt chẽ lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế; chỉ tăng bội chi ngân sách nhà nước để tăng chi đầu tư phát triển và bảo đảm cân đối ngân sách nhà nước khi thực hiện giải pháp miễn, giảm thuế để hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (sau đây gọi là Chương trình).

3. Chính sách hỗ trợ Chương trình có quy mô, nguồn lực đủ lớn, tác động cả phía cung và phía cầu; có mục tiêu trọng tâm, trọng điểm, xác định đúng đối tượng cần hỗ trợ để giải quyết những

vấn đề cấp bách, tránh dàn trải, lãng phí nguồn lực gắn với trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân, người đứng đầu và cấp ủy, chính quyền các cấp.

4. Chính sách, giải pháp hỗ trợ phải khả thi, kịp thời, hiệu quả, thời gian thực hiện chủ yếu trong 2 năm 2022 và 2023 với lộ trình thích hợp để nâng cao năng lực phòng, chống dịch COVID-19, phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; nguồn lực đưa ra có khả năng giải ngân, hấp thụ nhanh.

5. Huy động, phân bổ và quản lý hiệu quả các nguồn lực; cân đối hợp lý giữa các vùng, miền, địa phương, lĩnh vực, đối tượng ưu tiên; dễ thực hiện, dễ kiểm tra, giám sát, đánh giá; chống tiêu cực, tham nhũng, lợi ích nhóm, trục lợi chính sách; bảo đảm hiệu quả, công bằng, công khai, minh bạch.

Điều 2. Mục tiêu, chỉ tiêu

1. Phục hồi, phát triển nhanh hoạt động sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy các động lực tăng trưởng, ưu tiên một số ngành, lĩnh vực quan trọng, phấn đấu đạt mục tiêu của giai đoạn 2021 - 2025: tăng trưởng GDP bình quân 6,5 - 7%/năm, chỉ tiêu nợ công dưới mức cảnh báo Quốc hội cho phép tại Nghị quyết số 23/2021/QH15, tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị dưới 4%; giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm các cân đối lớn trong trung hạn và dài hạn.

2. Tiết giảm chi phí, hỗ trợ dòng tiền, bảo đảm tính chủ động, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế và người dân.

3. Phòng, chống dịch COVID-19 hiệu quả; bảo đảm an sinh xã hội và đời sống của người dân, nhất là người lao động, người nghèo, người yếu thế, đối tượng chịu ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh; bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Điều 3. Chính sách hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội

1. Chính sách tài khóa:

1.1. Chính sách miễn, giảm thuế:

a) Giảm 2% thuế suất thuế giá trị gia tăng trong năm 2022, áp dụng đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 10% (còn 8%), trừ một số nhóm hàng hóa, dịch vụ sau: viễn thông, công nghệ thông tin, hoạt động tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, kim loại, sản phẩm từ kim loại đúc sẵn, sản phẩm khai khoáng (không kể khai thác than), than cốc, dầu mỏ tinh chế, sản phẩm hoá chất, sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt;

b) Cho phép tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản chi ủng hộ, tài trợ của doanh nghiệp, tổ chức cho các hoạt động phòng, chống dịch COVID-19 tại Việt Nam cho kỳ tính thuế năm 2022.

1.2. Chính sách đầu tư phát triển:

Tăng chi đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước tối đa 176 nghìn tỷ đồng, tập trung trong 2 năm 2022 và 2023, bao gồm:

a) Về y tế:

Bố trí tối đa 14 nghìn tỷ đồng để đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống y tế cơ sở, y tế dự phòng, trung tâm kiểm soát bệnh tật cấp vùng, nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh của viện và bệnh viện cấp trung ương gắn với đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong lĩnh vực y tế, sản xuất vắc-xin trong nước và thuốc điều trị COVID-19;

b) Về an sinh xã hội, lao động, việc làm:

- Cấp cho Ngân hàng Chính sách Xã hội tối đa 5 nghìn tỷ đồng, bao gồm cấp bù lãi suất và phí quản lý 2 nghìn tỷ đồng để thực hiện chính sách cho vay ưu đãi thuộc Chương trình; hỗ trợ lãi suất tối đa 3 nghìn tỷ đồng cho đối tượng vay vốn theo các chương trình tín dụng chính sách có lãi suất cho vay hiện hành trên 6%/năm;

- Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng và hiện đại hóa các cơ sở trợ giúp xã hội, đào tạo, dạy nghề, giải quyết việc làm tối đa 3,15 nghìn tỷ đồng;

c) Về hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh:

- Hỗ trợ lãi suất (2%/năm) tối đa 40 nghìn tỷ đồng thông qua hệ thống các ngân hàng thương mại cho một số ngành, lĩnh vực quan trọng, các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh có khả năng trả nợ, có khả năng phục hồi; cho vay cải tạo chung cư cũ, xây dựng nhà ở xã hội, nhà cho công nhân mua, thuê và thuê mua;

- Cấp vốn điều lệ cho Quỹ Hỗ trợ phát triển du lịch tối đa 300 tỷ đồng;

d) Về đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng:

Bổ sung tối đa 113,55 nghìn tỷ đồng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước để phát triển kết cấu hạ tầng: giao thông, công nghệ thông tin, chuyển đổi số, phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển, bảo đảm an toàn hồ chứa nước, thích ứng biến đổi khí hậu, khắc phục hậu quả thiên tai;

đ) Việc lựa chọn và phân bổ vốn cho các dự án thuộc Chương trình phải bảo đảm giải ngân vốn của Chương trình trong 2 năm 2022 và 2023, và tuân thủ các nguyên tắc, tiêu chí sau đây:

- Ưu tiên phân bổ vốn cho các dự án quan trọng quốc gia, các dự án trong danh mục Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đang triển khai thực hiện, có khả năng hoàn thành sớm nhưng chưa được bố trí vốn hoặc chưa được bố trí đủ vốn;

- Trường hợp bố trí vốn cho các dự án nằm ngoài danh mục Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025: chỉ bố trí cho các dự án quan trọng, cấp thiết, có tác động lan tỏa, có khả năng giải ngân nhanh và hấp thụ ngay vào nền kinh tế, phù hợp với quy hoạch, sử dụng nguồn vốn hiệu quả, bảo đảm khả năng cân đối vốn để hoàn thành dự án trong giai đoạn 2022

- 2025; đối với một số dự án mới có ý nghĩa quan trọng với phát triển kinh tế - xã hội thì ưu tiên hỗ trợ giải phóng mặt bằng;

- Các dự án phải bảo đảm đủ thủ tục đầu tư theo quy định;

- Bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng, hài hòa giữa các vùng, miền, địa phương, lĩnh vực.

1.3. Chính sách tài khóa khác:

a) Hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động có quan hệ lao động, đang ở thuê, ở trọ, làm việc trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu vực kinh tế trọng điểm (sử dụng khoảng 6,6 nghìn tỷ đồng từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách trung ương năm 2021);

b) Tăng hạn mức bảo lãnh Chính phủ đối với trái phiếu phát hành trong nước cho Ngân hàng Chính sách Xã hội tối đa 38,4 nghìn tỷ đồng để cho vay hỗ trợ giải quyết việc làm; học sinh, sinh viên; các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập; cá nhân vay mua, thuê mua nhà ở xã hội, xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở theo chính sách về nhà ở xã hội; thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.

2. Chính sách tiền tệ:

a) Điều hành đồng bộ, linh hoạt các công cụ chính sách tiền tệ để góp phần giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm an toàn hệ thống các tổ chức tín dụng, hỗ trợ tích cực cho phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; nghiên cứu để giữ ổn định tỷ lệ tối đa vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn, tính toán hợp lý tỷ lệ dự trữ bắt buộc, thực hiện nghiệp vụ thị trường mở, tái cấp vốn, chỉ đạo các tổ chức tín dụng tiếp tục tiết giảm chi phí hoạt động để phấn đấu giảm lãi suất cho vay khoảng 0,5% - 1% trong 2 năm 2022 và 2023, nhất là đối với lĩnh vực ưu tiên;

b) Tiếp tục cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ, miễn, giảm lãi vay đối với khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19, theo dõi sát diễn biến kinh tế, thị trường tiền tệ để có giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, người dân phù hợp, đồng thời bảo đảm an toàn hoạt động của hệ thống các tổ chức tín dụng;

c) Điều tiết thanh khoản phù hợp, tạo điều kiện đẩy nhanh tốc độ giải ngân cho các đối tượng thụ hưởng gói hỗ trợ lãi suất;

d) Điều tiết tiền tệ hợp lý, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát hành trái phiếu Chính phủ và để các tổ chức tín dụng tiếp tục đầu tư trái phiếu Chính phủ;

đ) Sử dụng tối đa 46 nghìn tỷ đồng từ các nguồn tài chính hợp pháp khác để nhập khẩu vắc - xin, thuốc điều trị và thiết bị, vật tư y tế phục vụ phòng, chống dịch COVID-19 trong trường hợp cần thiết;

e) Tiếp tục tái cấp vốn đối với Ngân hàng Chính sách Xã hội để cho người sử dụng lao động vay trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất cho người lao động, bảo đảm tính khả thi và tổ chức triển khai nhanh trong thực tế. Cân đối giải pháp về tiền tệ hỗ trợ Chương trình với tổng thể phương án cơ cấu lại các ngân hàng được kiểm soát đặc biệt.

3. Chính sách khác:

Áp dụng các chính sách khác để thực hiện Chương trình tập trung trong 2 năm 2022 và 2023, bao gồm:

a) Sử dụng khoảng 5 nghìn tỷ đồng từ Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam để phát triển hạ tầng viễn thông, internet, trong đó sử dụng 1 nghìn tỷ đồng để trang bị máy tính bảng thực hiện Chương trình “Sóng và máy tính cho em”;

b) Giải quyết các vướng mắc trong quy định về nội dung chi và quản lý Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp; sử dụng khoảng 5 nghìn tỷ đồng để đổi mới công nghệ, ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; giải mã công nghệ; mua thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cho đổi mới công nghệ, phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Điều 4. Phương án huy động nguồn lực

1. Để có nguồn lực thực hiện các chính sách tài khóa hỗ trợ Chương trình, cho phép tăng bội chi ngân sách nhà nước trong 2 năm 2022 và 2023 bình quân 1% - 1,2% GDP/năm (tối đa 240 nghìn tỷ đồng), trong đó: năm 2022, tăng khoảng 1,1% GDP (tối đa 102,8 nghìn tỷ đồng) so với dự toán đã được Quốc hội quyết định; năm 2023, Chính phủ tổng hợp kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước chung cho cả phần tăng thêm của Chương trình và của năm 2023, trình Quốc hội xem xét, quyết định theo quy định.

Nhu cầu nguồn lực cần được tính toán cụ thể trên cơ sở tận dụng tối đa các nguồn lực sẵn có, các nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách trung ương và khả năng giải ngân để xây dựng phương án huy động phù hợp từng thời điểm thông qua các công cụ sau đây:

a) Phát hành trái phiếu Chính phủ, bảo đảm nguyên tắc phối hợp chặt chẽ trong điều hành chính sách tiền tệ, chính sách tài khóa và các chính sách vĩ mô khác, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, thị trường tài chính, tiền tệ và bảo đảm các cân đối lớn; phù hợp với khả năng trả nợ, giải ngân, khả năng hấp thụ của nền kinh tế, bảo đảm hiệu quả, tránh lãng phí. Ưu tiên phát hành trái phiếu Chính phủ trong nước bằng nội tệ, kỳ hạn phát hành bình quân có thể dưới 9 năm trong 2 năm 2022 và 2023. Trường hợp cần thiết phát hành bằng ngoại tệ, Chính phủ báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định trước khi triển khai;

b) Vay hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vay ưu đãi nước ngoài theo hình thức hỗ trợ cân đối ngân sách;

c) Trong trường hợp cần thiết, Chính phủ báo cáo cấp có thẩm quyền cho phép vay từ các nguồn tài chính hợp pháp khác phù hợp và hoàn trả khi có nguồn trong kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước hằng năm hoặc các nguồn khác theo quy định; cho phép phát hành trực tiếp trái phiếu Chính phủ cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Đẩy mạnh các biện pháp khác để khai thác các nguồn lực, bao gồm:

a) Sử dụng tối đa, hiệu quả các nguồn lực trong các kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; tiết kiệm, tiết giảm tối đa các khoản chi, điều chỉnh linh hoạt giữa các nhiệm vụ, khoản mục chi trong phạm vi thẩm quyền. Quản lý chặt chẽ các nguồn thu, phấn đấu tăng thu, triệt để tiết kiệm chi ngân sách nhà nước; đẩy mạnh lộ trình cải cách thuế, chống thất thu, chuyển giá, trốn thuế, giảm tỷ lệ nợ đọng thuế; hiện đại hóa hệ thống thuế, hải quan, kho bạc nhà nước, triển khai hóa đơn điện tử, tận dụng các dự án tăng thu ngân sách nhà nước, nhất là dự án tăng thu đối với các giao dịch số xuyên biên giới và các dịch vụ trên nền tảng số đang được cung cấp cho người tiêu dùng tại Việt Nam; triệt để thu hồi các khoản kinh phí chi thường xuyên chậm phân bổ, chậm triển khai;

b) Sử dụng linh hoạt các cơ chế, chính sách, công cụ phù hợp để huy động thêm nguồn lực thực hiện Chương trình; xây dựng phương án tăng thuế tiêu thụ đặc biệt đối với một số mặt hàng cần hạn chế tiêu dùng để kịp thời áp dụng trong thời gian thực hiện Chương trình; đẩy nhanh việc cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp nhà nước, nguồn vốn từ tổ chức Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội; rà soát lại các quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước, năng lực đầu tư của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước để có kế hoạch huy động, sử dụng phù hợp; nghiên cứu có giải pháp huy động nguồn vốn ủy thác từ ngân sách địa phương cho Ngân hàng Chính sách Xã hội; quan tâm lồng ghép hiệu quả và đẩy nhanh giải ngân các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu hỗ trợ đầu tư y tế cơ sở tại các địa phương.

Điều 5. Áp dụng cơ chế đặc thù

1. Cho phép Thủ tướng Chính phủ, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định việc chỉ định thầu trong 2 năm 2022 và 2023 đối với các gói thầu tư vấn, gói thầu phục vụ di dời hạ tầng kỹ thuật, gói thầu thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng và tái định cư, gói thầu xây lắp của các dự án quan trọng quốc gia, các dự án hạ tầng quan trọng có quy mô lớn, cấp bách về hạ tầng giao thông và y tế thuộc Chương trình; các nhà thầu thực hiện các gói thầu quy định tại khoản này đến khi hoàn thành dự án. Trình tự, thủ tục thực hiện chỉ định thầu thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Trong 2 năm 2022 và 2023, nhà thầu thi công không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy phép khai thác mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường nằm trong Hồ sơ khảo sát vật liệu xây dựng phục vụ dự án hạ tầng giao thông quan trọng quốc gia thuộc Chương trình; việc khai thác mỏ khoáng sản quy định tại khoản này được thực hiện đến khi hoàn thành dự án. Nhà thầu thi công có trách nhiệm thực hiện đánh giá tác động môi trường; chịu sự quản lý,

giám sát đối với việc khai thác, sử dụng khoáng sản; nộp thuế, phí và thực hiện các nghĩa vụ bảo vệ, cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật.

3. Trong 2 năm 2022 và 2023, cho phép Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của địa phương có đủ năng lực, kinh nghiệm quản lý và có văn bản đề xuất làm cơ quan chủ quản thực hiện các đoạn tuyến đường cao tốc theo hình thức đầu tư công đi qua địa bàn thuộc Chương trình (trừ Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025 do Bộ Giao thông vận tải là cơ quan chủ quản thống nhất quản lý) trên cơ sở đã sử dụng tối đa năng lực của Bộ Giao thông vận tải. Cơ quan chủ quản quy định tại khoản này được thực hiện các đoạn tuyến đường cao tốc đến khi hoàn thành dự án.

Điều 6. Giao Chính phủ

1. Khẩn trương ban hành các giải pháp để thực hiện chính sách tài khóa, tiền tệ và các chính sách khác thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật để thực hiện Chương trình; hướng dẫn tổ chức thực hiện các cơ chế quy định tại Điều 5 của Nghị quyết này gắn với trách nhiệm cụ thể, bảo đảm không để xảy ra việc trục lợi chính sách, lợi ích nhóm, thất thoát, lãng phí.

2. Trong điều hành, chỉ đạo huy động, phân bổ, quản lý và sử dụng nguồn lực phải tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với tiến độ thực hiện, giải ngân của các dự án, nhiệm vụ chi thuộc Chương trình; theo dõi chặt chẽ các chỉ số vĩ mô để có giải pháp kịp thời bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, các cân đối lớn, trong đó đặc biệt chú trọng đến chỉ tiêu về lạm phát, nợ xấu; phấn đấu tăng thu, tiết kiệm chi; giảm bội chi để đạt được các chỉ tiêu trong Kế hoạch tài chính quốc gia và vay, trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021 - 2025; trường hợp có biến động, rủi ro lớn, Chính phủ kịp thời báo cáo Quốc hội xem xét, quyết định.

3. Chỉ đạo xây dựng phương án phân bổ dự toán ngân sách nhà nước và bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2022 cho các chương trình, dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và các dự án thuộc Chương trình (bao gồm cả nội dung về Ngân hàng Chính sách Xã hội, Quỹ Hỗ trợ phát triển du lịch...); báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định phân bổ, giao bổ sung dự toán theo quy định trước khi Chính phủ phân bổ, giao bổ sung dự toán và bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2022.

Chỉ đạo xây dựng phương án tăng vốn điều lệ từ nguồn lợi nhuận sau thuế, sau trích lập các quỹ giai đoạn 2021 - 2023 cho các ngân hàng thương mại cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ và từ nguồn ngân sách nhà nước đối với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Căn cứ các nguyên tắc, tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 3 của Nghị quyết này, khẩn trương rà soát, hoàn thiện danh mục các dự án sử dụng nguồn vốn của Chương trình, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến trước khi phân bổ vốn. Bảo đảm điều hòa nguồn vốn đầu tư công trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và nguồn vốn đầu tư công

trong chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình để ưu tiên vốn cho các dự án trọng điểm, có tác dụng lan tỏa, liên kết vùng, thúc đẩy tăng trưởng, có khả năng hấp thụ vốn. Trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định bổ sung dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư công năm 2022, trình Quốc hội xem xét, quyết định bổ sung dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư công năm 2023 theo quy định để đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành giải ngân vốn của Chương trình trong 2 năm 2022 và 2023; bảo đảm nguồn vốn để triển khai, hoàn thành các dự án thành phần trong Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025.

5. Thực hiện đồng bộ, kịp thời, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của Chương trình. Trong quá trình điều hành, tiếp tục cân đối ngân sách trung ương để bổ sung nguồn lực thực hiện Chương trình phù hợp với điều kiện thực tế; kịp thời triển khai các giải pháp để huy động tối đa các nguồn lực hợp lý cho Chương trình.

6. Điều chỉnh linh hoạt giữa các nhiệm vụ chi của Chương trình theo quy định của pháp luật hiện hành đối với những nội dung thuộc thẩm quyền. Đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền của Quốc hội phải báo cáo Quốc hội xem xét, quyết định; trường hợp cấp bách, trong thời gian giữa hai kỳ họp Quốc hội thì báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

7. Chủ động, khẩn trương ban hành và tổ chức thực hiện có hiệu quả, đồng bộ Chương trình phòng, chống dịch COVID-19 và các quy định có liên quan; cắt, giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; tập trung tháo gỡ các vướng mắc về cơ chế, chính sách, pháp luật liên quan đến nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân; có chính sách đột phá, ưu tiên khuyến khích đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn gắn với phát triển bền vững.

8. Nghiên cứu phương án cho phép doanh nghiệp được trừ bổ sung theo tỷ lệ nhất định trên cơ sở chi phí thực tế khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp, áp dụng đối với chi phí tạo tài sản cố định và chi phí lao động; phương án tăng thuế đối với giao dịch chứng khoán, bất động sản, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.

9. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, hướng dẫn nội bộ ngay từ đầu để không xảy ra sai sót, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, nhất là trong bối cảnh bố trí nguồn lực lớn trong khoảng thời gian ngắn.

10. Chú trọng công tác thông tin, truyền thông, góp phần tạo sự đồng thuận xã hội, khơi dậy, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, hệ thống chính trị.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Chính phủ, các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương đề cao trách nhiệm, nhất là trách nhiệm người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức, triển khai thực hiện các nội dung, chính

sách quy định tại Nghị quyết này, bảo đảm đúng quan điểm, mục tiêu, công khai, minh bạch, hiệu quả, khả thi và tiến độ; không để trục lợi chính sách, thất thoát, lãng phí.

2. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Kiểm toán nhà nước tổ chức thực hiện kiểm toán hằng năm việc tổ chức thực hiện Chương trình, bảo đảm thực hiện nhanh, hiệu quả, công khai, minh bạch, chống tiêu cực, tham nhũng, lợi ích nhóm, báo cáo Quốc hội tại kỳ họp cuối các năm 2022, 2023 và kỳ họp giữa năm 2024.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 11 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023; riêng đối với chính sách tài khóa quy định tại các điểm 1.2 và 1.3 khoản 1 Điều 3 của Nghị quyết này được áp dụng cho năm ngân sách 2022 và 2023.

2. Chính phủ hướng dẫn, tổ chức thực hiện Nghị quyết này; báo cáo Quốc hội tại kỳ họp cuối các năm 2022 và 2023, báo cáo tổng kết tại kỳ họp giữa năm 2024.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp bất thường lần thứ nhất thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Vương Đình Huệ